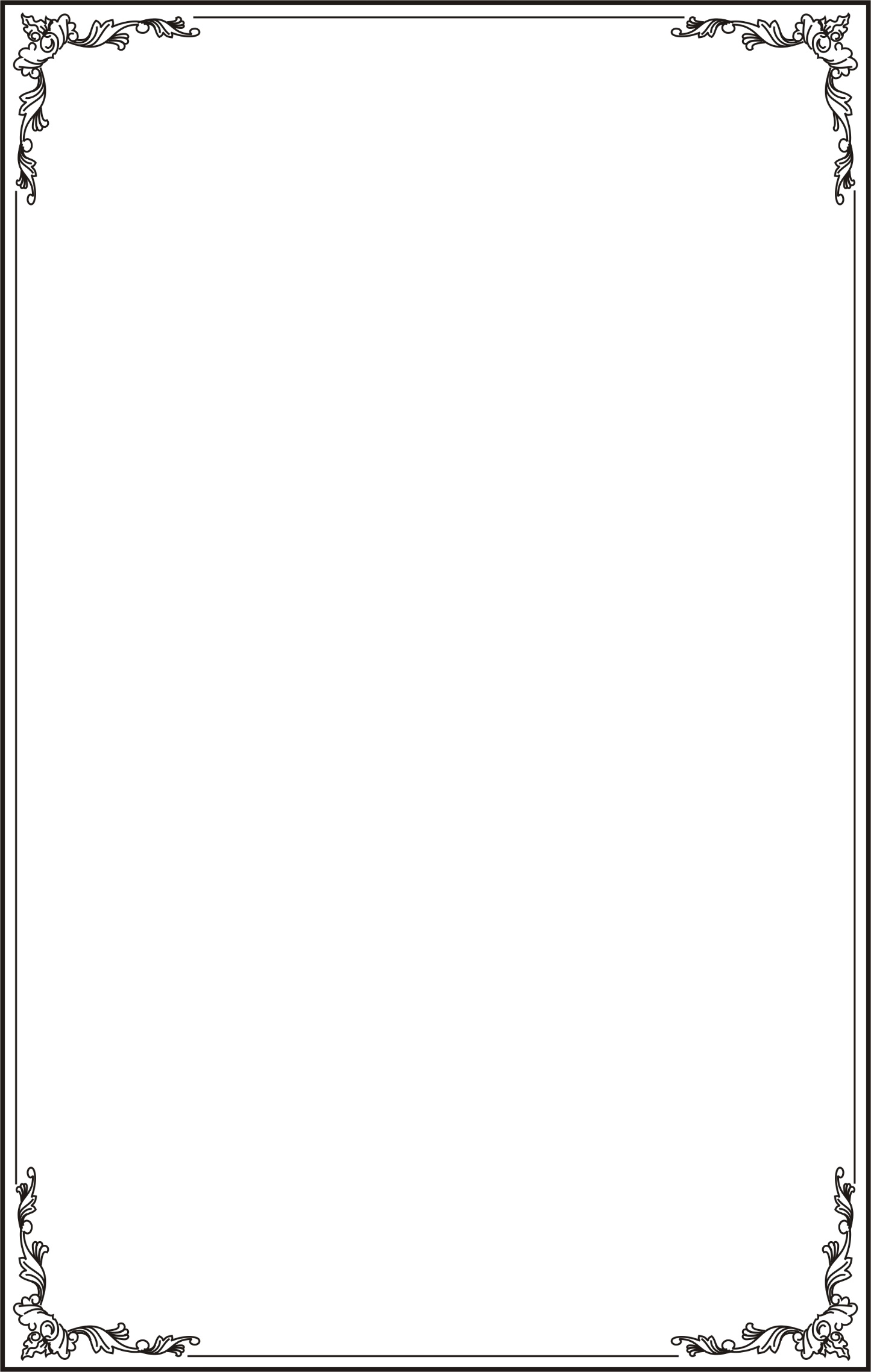
|  |  |
| --- | --- |
| **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TƯỜNG ĐA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

****

**KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ**

**DỪA CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TƯỜNG ĐA**

**Chủ trì liên kết:** Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa

**Địa điểm thực hiện:** Ấp Định Thọ, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**Châu Thành, 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TƯỜNG ĐA -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *Châu Thành., ngày tháng năm 2024* |

**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT**

**TÊN KẾ HOẠCH: KẾ HOẠCH LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ DỪA CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TƯỜNG ĐA**

Căn cứ Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ Về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bến Tre về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đối với dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và hỗ trợ phát sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản thực hiện các mô hình, dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

**1. Tên đơn vị chủ trì liên kết:** Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa

- Người đại diện theo pháp luật: Phan Diên Hùng

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy đăng ký kinh doanh số 1301079598, ngày cấp: 05/8/2019; Thay đổi lần thứ 1: Ngày 25/5/2023

- Địa chỉ: Ấp Định Thọ, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

- Điện thoại: 0984 834 543 , Fax: ........ Email:…………….

**2. Các bên tham gia liên kết**

**a) Tên đơn vị tham gia liên kết cung ứng vật tư nông nghiệp: Công ty TNHH MTV phân bón Tuyên Phong**

- Người đại diện theo pháp luật: Phạm Hoàng Phong

- Chức vụ: Giám đốc

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 1300704827, ngày cấp lần đầu: 22/9/2011; Đăng ký thay đổi lần thứ 3: 23/5/2022

- Địa chỉ: Quốc lộ 60, ấp An Mỹ, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

- Điện thoại: 0918 666 639 , Fax: ........ Email:………

**b) Tên đơn vị tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm: Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Vina T&T**

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đình Tùng

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0312904360, ngày cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 8 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 11 năm 2023

- Địa chỉ: Số 8, đường số 2, khu dân cư Sông Giồng, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại:........................................... Email ............................................

3. Đối tượng liên kết: Các hộ nông dân trồng Bưởi da xanh an toàn

Số lượng đối tượng tham gia liên kết: 80 người; trong đó:

- Đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia:  80 người, chiếm 100% tổng số hộ tham gia dự án.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo: .............người, chiếm ..........% tổng số hộ tham gia dự án.

**4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết:**

***4.1-Thực trạng liên kết***

Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa được thành lập vào ngày 05/8/2019 hoạt động trong lĩnh vực: Bán lẻ sách, báo, tạo chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4761); Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (0131); Trồng cây lấy quả chứa dầu (0122); Hoạt động dịch vụ trồng trọt (0161); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669); Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (0163); Trồng cây ăn quả (0121); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống) (4620). Với …..Thành viên và vốn điều lệ là 190.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số: 13001126706 đăng ký lần đầu, ngày 25/8/2023 tại Phòng tài chính – kế hoạch, UBND huyện Châu Thành.

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

+ Năm 2023 đạt 700.000.000 đồng (với 43 thành viên);

Trong lĩnh vực liên kết sản xuất và tiêu thụ dừa Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa triển khai liên kết chặt chẽ, đầy đủ các khâu trong chuỗi sản xuất dừa và bán trái tươi. Với lợi thế điều kiện thỗ nhưỡng tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phù hợp để canh tác dừa nên đã tạo nên nguồn nguyên liệu địa phương sẵn có, giúp đảm bảo chủ động được về chất lượng sản lượng và giá thành.

***4.2-Tình hình tiêu thụ***

Về mặt tiêu thụ sản phẩm Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa đã chủ động liên kết cung ứng sản phẩm cho các thương lái, cơ sở thu mua tại địa phương, đảm bảo hiệu quả kinh tế cho thàn viên Hợp tác xã khi tham gia sản xuất theo kế hoạch chung của hợp tác xã. Để mở rộng thị trường, trong điều kiện được hỗ trợ bởi Kế hoạch liên kết, Hợp tác xã sẽ liên kết mở rộng với các thương lái thu mùa dừa tươi trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Bến Tre và có thể học hỏi, nghiên cứu để sản xuất ra sản phẩm dừa tươi có thể xuất khẩu. Sự liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ đầu ra giúp giải quyết rủi ro thương lái ép giá, làm ổn định giá cả sản phẩm và mang lại hiệu quả kinh tế, đảm bảo lợi nhuận cho các hộ nông dân tham gia liên kết.

***4.3-Sự cần thiết xây dựng kế hoạch liên kết***

Tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, đồng thời góp phần tăng quy mô sản xuất hàng hóa, cho phép áp dụng các quy trình sản xuất phù hợp, hiện đại, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Tuy nhiên trong thực tế, tồn tại không ít trường hợp khâu trung gian ép giá từ các thương lái khiến tình hình tiêu thụ dừa tại địa phường còn khó khăn. Trong bối cảnh mặt hàng dừa tươi và một số hàng nông sản khác chưa tìm được lối ra ổn định, câu chuyện "được mùa, mất giá" và "được giá, mất mùa" xảy ra phổ biến, nông dân gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chính do việc sản xuất, canh tác của nông dân còn mang tính tự phát, chưa có thông tin đầy đủ về thị trường, chưa được hướng dẫn kỹ về quy trình chăm sóc, trồng trọt đảm bảo chất lượng nông sản…

Gần đây, các địa phương có thế mạnh về cây dừa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã triển khai giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị cây dừa, gắn sản xuất với tiêu thụ, đặc biệt chú trọng việc liên kết giữa nông dân trồng dừa và doanh nghiệp. Thực tế tại Bến Tre cho thấy, việc xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, trong đó có cây dừa đang là hướng đi đúng. Điều này, bước đầu tháo gỡ khó khăn cho việc sản xuất, tiêu thụ của người trồng dừa.

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre Nguyễn Hữu Lập cho hay, tỉnh đang tập trung xây dựng chuỗi giá trị cây dừa theo tinh thần Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy Bến Tre về xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh tế vườn dừa và nâng cao thu nhập cho nhà vườn, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững ngành dừa. Đến nay, Bến Tre đã thành lập 10 tổ liên kết, 30 tổ hợp tác, 7 hợp tác xã, với khoảng 2.139 hộ và gần 1.600 ha diện tích được các doanh nghiệp ký kết hợp đồng và thu mua toàn bộ sản phẩm.Ngoài việc thành lập các tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất, ngành nông nghiệp tỉnh còn phối hợp với các đơn vị liên quan làm cầu nối để kết nối doanh nghiệp và nông dân, nhằm chủ động đầu ra sản phẩm. Tham gia vào chuỗi giá trị này, các doanh nghiệp gắn kết với nông dân bằng hai hình thức là mua trực tiếp dừa trái và xây dựng điểm sơ chế tại cơ sở. Tính từ đầu năm 2017 đến nay, các doanh nghiệp đã tiêu thụ qua hợp đồng gần 10,5 triệu trái và 217 tấn cơm dừa tươi. Ngoài dừa công nghiệp, dừa uống nước cũng được ngành chức năng tỉnh Bến Tre xúc tiến xây dựng chuỗi giá trị và bước đầu vận hành tương đối thuận lợi. Thời gian qua, giá dừa tại Bến Tre xuống thấp, đời sống, kinh tế của người trồng dừa gặp nhiều khó khăn. Tại nhiều nơi trong tỉnh, thương lái ngưng thu mua, nhưng tại các tổ hợp tác và hợp tác xã trồng dừa có sự liên kiết với doanh nghiệp, nhà vườn vẫn “sống khỏe”. Các điểm thu mua, sơ chế của các công ty vẫn thu mua dừa cho bà con nông dân với giá sàn không dưới 50 ngàn đồng/chục và với giá cao hơn khoảng 20% nếu bà con canh tác dừa hữu cơ. Theo Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre Huỳnh Quang Đức, giải pháp đầu tiên để nâng cao giá trị cây dừa là phải tuyên truyền, vận động cho nông dân hiểu được sự cần thiết phải tham gia xây dựng chuỗi giá trị cây dừa. Ngoài ra, phải tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng cây dừa.

Điều quan trọng không thể thiếu trong xây dựng chuỗi giá trị cây dừa là phải có sự đồng hành của doanh nghiệp trong việc xây dựng vùng nguyên liệu gắn kết với các tổ hợp tác, hợp tác xã, đồng thời ký kết hợp đồng thu mua với nông dân. Về lâu dài, để ngành dừa phát triển bền vững, ngành nông nghiệp hai tỉnh Bến Tre tuyển chọn những giống dừa thích nghi hạn mặn, cho năng suất cao và có thị trường tiêu thụ ổn định khuyến khích nông dân trồng; đồng thời, tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật canh tác dừa cho các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết, doanh nghiệp và các đơn vị tham gia trong chuỗi theo nhu cầu thị trường; hỗ trợ chứng nhận vùng trồng dừa đạt tiêu chuẩn VietGAP…

Cùng với đó, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp, để đảm bảo năng suất chất lượng trái dừa trong điều kiện biến đổi khí hậu, nhưng vẫn đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường, nhằm hướng đến mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị dừa.

Vì thế, việc xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất dừa của Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa là kết hợp đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất dừa, tạo mối liên kết bền vững giữa các hộ nông dân trên cùng vùng trồng dừa, liên kết nông dân và doanh nghiệp để tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội cao là rất cần thiết.

**5. Địa điểm thực hiện liên kết:** xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT**

**- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:** Dừa

**- Quy mô liên kết:** 20,6 ha/40 hộ (Thực hiện trong 03 năm 2024 - 2026).

**- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:**

+ Thực hiện đúng quy trình hướng dẫn kỹ thuật canh tác dừa theo chi tiết đã ban hành, trong đó nền tảng là: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP.

+ Thành lập các bộ phận, tổ kỹ thuật với mục đích hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, định kỳ kiểm tra tại vùng trồng và tập huấn thực hiện quy trình trồng bưởi da xanh theo hướng VietGAP từ khâu làm đất, chọn giống, nước tưới đặc biệt là quản lý dịch hại trên vùng trồng.

**- Hình thức liên kết:** Hình thức liên kết trong kế hoạch này là “Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn liền với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.

**- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:**

**+ Quyền hạn và trách nhiệm của Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa– Đơn vị chủ trì liên kết**

***Quyền hạn***

* Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa là đơn vị chủ trì kế hoạch liên kết. Được hưởng các chính sách khuyến khích liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước theo quy định.
* Được sử dụng tài sản đầu tư trên đất và tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
* Được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ, giá cả thị trường, khoa học kỹ thuật, các chính sách hỗ trợ quảng bá, xúc tiến, liên kết tiêu thụ sản phẩm trong kế hoạch và các dịch vụ công ích khác phục vụ cho kế hoạch.
* Được quyền lựa chọn phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch liên kết theo quy định của pháp luật.
* Được đảm bảo đối với các tài sản, hạng mục công trình hạ tầng đầu tư tham gia liên kết (bao gồm tài sản do nhà nước hỗ trợ) theo quy định của pháp luật.
* Được quyền triệu tập các cuộc họp, phổ biến các nội dung của kế hoạch.
* Được quyền thu mua các sản phẩm trong kế hoạch.
* Được quyền không thu mua sản phẩm khi có bằng chứng, kết quả phân tích chất lượng không đảm bảo theo yêu cầu đã ký kết.
* Được quyền loại các hộ liên kết ra khỏi kế hoạch khi các hộ nông dân không tuân thủ các quy định, yêu cầu theo hợp đồng liên kết.
* Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***Trách nhiệm***

* Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai kế hoạch, xây dựng phương thức liên kết, các hồ sơ giấy tờ có liên quan theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của Nghị định 98/2018/NĐ-CP.
* Có trách nhiệm tổ chức thanh quyết toán theo quy định của nhà nước trong quá trình thực hiện kế hoạch.
* Thực hiện đúng, đủ các nội dung đã cam kết của hợp đồng, kế hoạch liên kết.
* Phối hợp các tác nhân tham gia kế hoạch liên kế xây dựng quy trình sản xuất thống nhất, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng quy định thị trường. Hỗ trợ cho các tác nhân tham gia Kế hoạch khi có yêu cầu.
  + Phối hợp đơn vị tư vấn hướng dẫn, lập hồ sơ khắc phục các tồn tại phát sinh (nếu có) trong quá trình triển khai kế hoạch.
  + Cung cấp hồ sơ, chứng từ cho các cơ quan quản lý nhà nước khi có thông báo thanh tra, kiểm tra, nghiệm thu.
  + Đồng thời là đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ phù hợp với quy định của nhà nước.

**+ Quyền hạn và trách nhiệm của Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất khẩu Vina T&T – Đơn vị tiêu thụ sản phẩm.**

***Quyền hạn:***

- Được hưởng các nội dung hỗ trợ theo kế hoạch, được quyền khiếu nại khi được chủ kế hoạch không thực hiện dúng các nội dung đã quy định của kế hoạch.

- Được góp vốn đầu tư cùng đơn vị chủ trì liên kết với các hợp đồng ký kết.

- Được tiêu thụ các sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết.

- Được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ, giá cả thị trường, khoa học kỹ thuật, các chính sách quảng bá, xúc tiến, liên kết tiên thụ sản phẩm trong kế hoạch và các dịch vụ công ích khác phục vụ cho kế hoạch.

- Được quyền lựa chọn phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch liên kết theo đúng quy định của pháp luật.

- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***Trách nhiệm:***

- Thực hiện đúng, đủ các nội dung đã cam kết của hợp đồng, kế hoạch liên kết. Phối hợp với đơn vị chủ trì kế hoạch liên kết tổ chức các biện pháp sản xuất phù hợp với thời gian và kế hoạch sản xuất.

- Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến hợp đồng, kế hoạch liên kết cho các bên tham gia liên kết khi có yêu cầu.

- Tham gia xử lý sự cố về chất lượng, an toàn thực phẩm khi có yêu cầu.

- Hỗ trợ cho các hộ nông dân tham gia liên kết theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp động liên kết của pháp luật.

**+ Quyền hạn và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV phân bón Tuyên Phong – Đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp.**

***Quyền hạn:***

* + Được quyền liên kết với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp khác để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón cho nông dân trong kế hoạch.
  + Được hưởng các chính sách khuyến khích liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước quy định.
  + Được quyền cung ứng các sản phẩm vật tư nông nghiệp theo hợp đồng đã ký kết.
  + Được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ, giá cả thị trường, khoa học kỹ thuật, các chính sách hỗ trợ quảng bá, xúc tiến, liên kết tiêu thụ sản phẩm trong kế hoạch.
  + Được quyền lựa chọn phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch liên kết theo quy định của pháp luật.
  + Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***Trách nhiệm:***

* Là đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp cho các tác nhân tham gia kế hoạch liên kết. Có trách nhiệm đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng của các loại vật tư cung cấp phục vụ trong suốt quá trình triển khai kế hoạch.
* Thực hiện đúng, đủ các nội dung đã cam kết của hợp đồng, kế hoạch liên kết.
* Cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin liên quan đến hợp đồng, kế hoạch liên kết cho các bên tham gia khi được yêu cầu.
* Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng liên kết và pháp luật.

**+ Quyền hạn và trách nhiệm các hộ dân tham gia liên kết:**

***Quyền hạn***

* Được hưởng các chính sách khuyến khích liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước theo quy định.
  + - Được hưởng các nội dung hỗ trợ theo kế hoạch, được quyền khiếu nại khi chủ kế hoạch liên kết không thực hiện đúng các nội dung đã quy định của kế hoạch.
    - Được góp vốn đầu tư cùng doanh nghiệp, đơn vị chủ trì liên kết theo các hợp đồng ký kết.
    - Được đào tạo, tập huấn kiến thức sản xuất, kỹ năng cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về quy trình kỹ thuật chuẩn áp dụng trong kế hoạch liên kết.
    - Được sử dụng tài sản đầu tư trên đất và tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
    - Được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ, giá cả thị trường, khoa học kỹ thuật, các chính sách hỗ trợ quảng bá, xúc tiến, liên kết tiêu thụ sản phẩm trong kế hoạch và các dịch vụ công ích khác phục vụ cho kế hoạch.
    - Được quyền lựa chọn phương thức phù hợp để giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch liên kết theo quy định của pháp luật.
    - Mua, bán các sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết.
    - Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***Trách nhiệm***

* Thực hiện đúng, đủ các nội dung đã cam kết của hợp đồng, kế hoạch liên kết. Phối hợp với đơn vị chủ trì Kế hoạch tổ chức các biện pháp sản xuất phù hợp với thời gian và kế hoạch sản xuất.
* Cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến hợp đồng, kế hoạch liên kết cho các bên tham gia liên kết khi có yêu cầu.
* Đối ứng nguồn kinh phí với đơn vị chủ trì liên kết đúng theo cam kết và các quy định của nhà nước.
* Tuân thủ các quy định của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, cây trồng, vật nuôi trong quá trình triển khai kế hoạch liên kết.
* Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng liên kết và pháp luật.

**+ Cơ quan quản lý:**

* Phối hợp với ngành nông nghiệp địa phương và doanh nghiệp trong tập huấn sản xuất theo chuỗi liên kết.
* Đầu mối trong thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bến Tre về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đối với dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và hỗ trợ phát sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.**

* **Thị trường tiêu thụ hiện tại**

Hình thức tiêu thụ hiện tại của Hợp tác xã là bán các sản phẩm dừa tươi cho thương lái mua trực tiếp tại vườn với giá thỏa thuận. Do ảnh hưởng của hạn mặn, nắng nóng kéo dài nên giá dừa tươi uống nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre đang hút hàng, sốt giá và được thương lái săn lùng thu mua. Do đó, nhà vườn ở “thủ phủ” dừa Bến Tre rất phấn khởi vì giá dừa tươi tăng từng ngày, khiến thu nhập của người trồng dừa tăng đáng kể trong thời điểm hiện nay. Các nhà vườn trồng dừa chia sẻ hiện nay, sản lượng dừa tươi cung cấp cho thị trường khá hạn chế, chỉ bằng phân nửa so với mùa thuận (từ tháng 8 đến sau Tết). Đặc biệt, những vườn dừa càng chất lượng thì càng có giá, nhất là khi địa phương đang đẩy mạnh xuất khẩu trái dừa tươi nguyên trái.

Theo các thương lái, nguyên nhân chính dẫn đến việc dừa xiêm xanh tăng giá là do thời tiết nắng nóng, nhu cầu tiêu thụ dừa tươi uống nước trên thị trường tăng cao dẫn đến dừa hút hàng. Dừa xiêm xanh là một trong loại dừa tươi uống nước được thị trường trong cả nước rất ưa chuộng, bởi chất lượng cao của trái dừa. Hiện nay, người dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre đang mở rộng diện tích trồng dừa xiêm xanh do nhanh cho trái, năng suất cao và chất lượng ngon được thị trường ưa chuộng. Nhiều nông dân trồng dừa còn đang tập trung diện tích sản xuất truyền thống sang canh tác dừa theo hướng hữu cơ chuẩn VietGAP nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Thương lái trong và tỉnh thu mua dừa và xuất bán sang các tỉnh lân cận và Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước,…..

* **Thị trường tiêu thụ tiềm năng**

Dựa vào những phân tích về nhu cầu thị trường, thị hiếu người tiêu dùng. Hợp tác xã sẽ phân khúc thị trường và hoạch định các khu vực thị trường tiềm năng như: Cần Thơ, Bình Dương, Bình Phước, TP. HCM …. Bên cạnh đó, tiếp tục xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, liên kết xúc tiến thương mại góp phần đưa sản phẩm dừa tươi và chuỗi cửa hàng nông sản phía Nam. Ngoài ra huyện sẽ phối hợp với Sở Công thương, Cục Thương mại điện tử (TMĐT) - Bộ Công thương, các sàn thương mại điện tử tăng cường quảng bá, bán hàng trên sàn giao dịch TMĐT: Sendo (FPT), Voso (Viettelpost), Tiki-BigC/GO, Shopee, Lazada, Postmart (Vnpost).

* **Lợi thế cạnh tranh của sản phẩm**

Từ lâu nay, cây dừa đã đóng góp lớn vào việc xóa đói giảm nghèo, giải quyết rất nhiều việc làm nâng cao thu nhập và cải thiện đáng kể đời sống cho người dân Bến Tre. Dừa Bến Tre đã chiếm lĩnh nhiều thị trường trên thế giới, tuy nhiên việc xuất khẩu vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Có những doanh nghiệp muốn xúc tiến xuất khẩu sang Châu Âu nhưng lại thiếu thông tin về luật pháp, giá cả…ở thị trường này. Vì vậy nếu giải quyết được vấn đề thông tin cho các doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho dừa Bến Tre ngày càng xuất khẩu thành công vào những thị trường khó tính nhất. Bên cạnh đó, tuy không gặp rào cản nhưng dừa Việt Nam còn phải cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực cũng sản xuất các mặt hàng này. Ngành dừa vừa tính đến sản xuất lớn, vừa hoàn thiện ở nhiều khâu để khẳng định danh thơm của dừa Việt Nam. Vì vậy, việc tạo thương hiệu dừa vừa cấp bách, vừa lâu dài. Tuy nhiên, xây dựng thương hiệu là cả một trong quá trình, tuyên truyền quảng bá đến tiếp thị, cần có chi phí lớn mà không phải doanh nghiệp nào cũng làm được. Với cây dừa người dân cũng đã tận dụng hết được giá trị của nó, đem lại nhiều lợi kinh tế. Từ thân cây dừa, gáo dừa, trái dừa, vỏ dừa, nan dừa... nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ đã ra đời. Đó là các sản phẩm đồ dùng trong nhà bếp, bàn ăn, phòng ngủ, phòng khách, lược cho phái đẹp, gậy cho người già cho đến những đồ vật biểu tượng mang tính nghệ thuật, thẩm mỹ và đậm chất triết lý Phương Đông. Đồ thủ công mỹ nghệ của dừa đang được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng. Đồng thời rất nhiều sản phẩm từ dừa như kẹo dừa, mứt dừa…của những cơ sở chế biến tầm cỡ các sản phẩm từ dừa đã được xuất khẩu tới Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ. Ngoài ra, chế biến các sản phẩm từ dừa như: Các sản phẩm từ vỏ dừa: Chỉ xơ dừa, mụn dừa, các sản phẩm sau chỉ; gáo dừa, cơm dừa sơ chế, cơm dừa nạo sấy, sữa dừa, bột sữa dừa, kẹo dừa, các loại mỹ phẩm từ dừa... Sản phẩm dừa Bến Tre đã có mặt trên thị trường của hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tỉnh Bến Tre xác định dừa là cây chiến lược trong mục tiêu phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cho nên rất quan tâm đầu tư cho ngành công nghiệp chế biến dừa. Trong đó, coi ngành dừa là một trong những ngành công nghiệp chủ lực chi phối đến sự phát triển của địa phương. Để làm được điều này, những năm qua, lãnh đạo tỉnh Bến Tre và các ban, ngành đã và đang nỗ lực hết sức mình để có thể tạo ra một hướng đi bền vững cho cây dừa cũng như thực hiện nhiều giải pháp để mở rộng hơn nữa thị trường tiêu thụ; qua đó góp phần nâng cao vị thế của cây dừa và mang lại nguồn thu nhập ổn định, bền vững cho người trồng dừa.

**III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:**

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ 274.660.000 đồng, trong đó:

- Năm 2024: 274.660.000 đồng

- Năm 2025: 0 đồng

- Năm 2026: 0 đồng

**1.1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết**:

***a) Kinh phí đề nghị hỗ trợ***

Đề nghị hỗ trợ: 80.450.000 đồng; hỗ trợ 100% chi phí theo *Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018)*, trong đó:

* Tư vấn, nghiên cứu xây dựng kế hoạch liên kết: 32.250.000 đồng, phối hợp đơn vị tư vấn nghiên cứu khảo sát lập kế hoạch.
* Tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kinh phí đề nghị: 14.000.000 đồng hình thức tự nghiên cứu lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, trên cơ sở có sự hỗ trợ, tư vấn của chuyên gia.
* Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, kinh phí đề nghị: 17.250.000 đồng, hình thức tự nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, trên cơ sở có sự giúp đỡ của chuyên gia.
* Tư vấn xây dựng kế hoạch phát triển thị trường, kinh phí đề nghị: 16.950.000 đồng phối hợp đơn vị tư vấn nghiên cứu thị trường.

***b) Nội dung thực hiện:***

Thu thập các số liệu, tài liệu sơ cấp tại các phòng, ban, số liệu thứ cấp thông qua điều tra, khảo sát các hộ dân trồng dừa và các khách hàng tiêu thụ sản phẩm. Lựa chọn hộ liên kết, vùng sản xuất phù hợp để thực hiện kế hoạch. Thông qua khảo sát, đánh giá hiện trạng canh tác, sản xuất và tiêu thụ dừa của hợp tác xã và của các hộ dự kiến liên kết. Nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, Kế hoạch liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phát triển thị trường.

Khảo sát tình hình canh tác dừa, cơ sở vật chất, kho bãi chứa vật tư nông nghiệp; Hiện trạng vật tư tại từng hộ như: phân bón, thuốc BVTV, kinh nghiệm trồng dừa. Quy mô trồng dừa, khả năng tăng diện tích hay giảm diện tích. Khảo sát năng lực thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sau thu hoạch. Đánh giá năng lực quản lý Kế hoạch, năng lực đầu tư, điều hành và kinh phí đối ứng khi cần thiết.

Đánh giá thị trường tiêu thụ, thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thánh thức của bưởi da xanh; hiện trạng thu mua, phân phối, năng lực xuất khẩu; giá bán, thuận lợi, khó khăn khi tiêu thụ sản phẩm. Đánh giá các chỉ tiêu chất lượng, ATTP so với các quy định hiện hành của nhà nước và các quy định riêng của từng thị trường nhập khẩu.

Trên cơ sở hợp đồng ghi nhớ với các đơn vị tiêu thụ sản phẩm của Hợp tác xã; Hợp tác xã tổ chức họp các hộ liên kết sản xuất và đề nghị các hộ đăng ký số lượng sản phẩm, sau đó Hợp tác xã tiến hành tổng hợp và xây dựng kế hoạch, cụ thể như: Kế hoạch hỗ trợ các hộ liên kết; kế hoạch thời vụ canh tác dừa; Ký hợp đồng cung ứng vật tư sản xuất cho các hộ liên kết; Kế hoạch tài chính; Kế hoạch hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm.

Ngoài ra tư vấn phương pháp tiếp cận thị trường, cách thức giới thiệu sản phẩm; Phương pháp nghiên cứu thị trường để gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ để nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết nhằm ràng buộc quyền lợi, trách nhiệm của các bên liên quan và căn cứ pháp lý giải quyết tranh chấp. Quy định quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết; Xử lý tranh chấp, vi phạm khi thực hiện hợp đồng; Trách nhiệm bồi thường hợp đồng.

Xử lý các số liệu sau khi khảo sát để tiến hành viết kế hoạch, thu thập, tìm kiếm các tài liệu liên quan, các căn cứ, chính sách để lập kế hoạch theo đúng quy định. Dự thảo đề cương chi tiết, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, viết, hoàn chỉnh kế hoạch. Họp chuyên gia chỉnh sửa kế hoạch (Nếu có).

***c) Thời gian thực hiện:*** *2024.*

**1.2 Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:**

(*Căn cứ hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh Bến Tre*)

* Thời gian hỗ trợ: năm 2024.
* Nội dung: Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ; Tập huấn nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi liên kết cho HTX; Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản ký chất lương đồng bộ cho HTX.
* Đối tượng: Cán bộ quản lý HTX, nông hộ.
* Số lượng: 02 lớp (02 lớp/năm).
* Kinh phí đề nghị hỗ trợ: 10.670.000 đồng trong đó; năm 2024 là 10.670.000 đồng, năm 2025 là 0 đồng, năm 2026 là 0 đồng.

**1.3. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác:**

*(Căn cứ hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh Bến Tre)*

***Hỗ trợ phân bón***

Hỗ trợ vật tư thiết yếu (phân bón), vật tư nông nghiệp cho các hộ nông dân trồng dừa có cam kết tham gia kế hoạch. Tổng kinh phí triển khai là: 1.575.900.000 đồng, Kinh phí đề nghị hỗ trợ là: 157.590.000 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng là: 1.418.310.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ Năm 2024: tổng diện tích sử dụng là 20,6 ha, với tổng kinh phí là 525.300.000 đồng.Kinh phí đề nghị hỗ trợ 30%: 157.590.000 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 70% là: 367.710.000 đồng.

+ Năm 2025: tổng diện tích sử dụng là 20,6 ha, với tổng kinh phí là 525.300.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ 0%: 0 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 100%: 525.300.000 đồng.

+ Năm 2026: tổng diện tích sử dụng là 20,6 ha, với tổng kinh phí là 525.300.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ 0%: 0 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 100%: 525.300.000 đồng.

Thời gian hỗ trợ: Năm 2024.

***Hỗ trợ phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm***

*(Căn cứ hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 24/4/2024 của HĐND tỉnh Bến Tre)*

Hỗ trợ phân tích các chỉ tiêu an toàn trên dừa cho các hộ có cam kết tham gia kế hoạch: Với tổng kinh phí: 77.850.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ: 25.950.000 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng: 51.900.000 đồng, trong đó:

+ Năm 2024: tổng kinh phí là 25.950.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ 100%: 25.950.000 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 0% là: 0 đồng.

+ Năm 2025: tổng kinh phí là 25.950.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ 0%: 0 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 100% là: 25.950.000 đồng.

+ Năm 2026: tổng kinh phí là 25.950.000 đồng. Kinh phí đề nghị hỗ trợ 0%: 0 đồng, kinh phí nông dân liên kết đối ứng 100% là: 25.950.000 đồng.

**2. Đối ứng của đối tượng tham gia của các bên liên kết:**

Tổng kinh phí dự trù triển khai Kế hoạch là: 1.744.870.000 đồng, trong đó:

* Kinh phí đề xuất hỗ trợ từ ngân sách: 274.660.000 đồng;
* Kinh phí đối ứng của các tác nhân tham gia Kế hoạch là: 1.470.210.000 đồng. Cụ thể chi phí đối ứng như sau:

***Năm 2024:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Dự toán chi phí** | **Nhà nước hỗ trợ** | **Đối ứng** | **Ghi chú** |
| **1. Vật tư phân bón** | | | | | | |  |
| Vật tư nông nghiệp | ha | 20,6 | 25.500.000 | 525.300.000 | 157.590.000 | 367.710.000 | Hỗ trợ 30%  Đối ứng 70% |
| **Tổng chi phí** | | | | **525.300.000** | **157.590.000** | **367.710.000** |  |

***Năm 2025:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Dự toán chi phí** | **Nhà nước hỗ trợ** | **Đối ứng** | **Ghi chú** |
| **1. Vật tư phân bón** | | | | | | |  |
| Vật tư nông nghiệp | ha | 20,6 | 25.500.000 | 525.300.000 | Không hỗ trợ | 525.300.000 | Đối ứng 100% |
| **2. Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm** | | | | | | |  |
| Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm | Kế hoạch | 1 | 25.950.000 | 25.950.000 | Không hỗ trợ | 25.950.000 | Đối ứng 100% |
| **Tổng chi phí** | | | | **551.250.000** |  | **551.250.000** |  |

***Năm 2026:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Dự toán chi phí** | **Nhà nước hỗ trợ** | **Đối ứng** | **Ghi chú** |
| **1. Vật tư phân bón** | | | | | | |  |
| Vật tư nông nghiệp | ha | 20,6 | 25.500.000 | 525.300.000 | Không hỗ trợ | 525.300.000 | Đối ứng 100% |
| **2. Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm** | | | | | | |  |
| Phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm | Kế hoạch | 1 | 25.950.000 | 25.950.000 | Không hỗ trợ | 25.950.000 | Đối ứng 100% |
| **Tổng chi phí** | | | | **551.250.000** |  | **551.250.000** |  |

**3.** **Thời gian và kinh phí hỗ trợ**

**a) Thời gian hỗ trợ**

* ***Năm 2024***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian** |
| 1 | Triển khai các hoạt động khảo sát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch liên kết. | Quý II |
| 2 | Xây dựng các phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch phát triển sản phẩm, phát triển thị trường. | Quý II |
| 3 | Tiến hành thương thảo nội dung thực hiện với các bên liên quan, xây dựng các hợp đồng liên kết. | Quý II |
| 4 | Tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất sản phẩm an toàn liên kết theo chuỗi cho các hộ tham gia liên kết. | Quý II |
| 5 | Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm | Quý II |
| 6 | Hỗ trợ chi phí phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm | Quý II |
| 7 | Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu các hạng mục hỗ trợ của kế hoạch liên kết đã thực hiện trong năm. | Quý III - Quý IV |

* ***Năm 2025:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian** |
| 1 | Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu các hạng mục hỗ trợ của kế hoạch liên kết đã thực hiện trong năm. | Quý IV |

* ***Năm 2026:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian** |
| 1 | Hoàn tất chương trình kế hoạch liên kết và tiếp tục phát triển kế hoạch liên kết cho giai đoạn tiếp theo. | Quý IV |

**b) Kinh phí hỗ trợ**

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ: 274.660.000 đồng, trong đó:

- Năm 2024: 274.660.000 đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Tổng kinh phí hỗ trợ (Đồng)** |
| 1 | Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết | 80.450.000 |
| 2 | Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường | 10.670.000 |
| 3 | Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm | 157.590.000 |
| 4 | Hỗ trợ phân tích chỉ tiêu an toàn thực phẩm | 25.950.000 |
| **Tổng cộng** | | **274.660.000** |

- Năm 2025: 0đồng

- Năm 2026: 0 đồng

**4. Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch**:

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch là1.744.870.000 đồng, trong đó: Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 274.660.000 đồng, Vốn đối ứng của hợp tác xã và nông dân liên kết: 1.470.210.000 đồng, cụ thể:

- Năm 2024 tổng kinh phí triển khai là 642.370.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 274.660.000 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 367.710.000 đồng.

- Năm 2025 tổng kinh phí triển khai là 551.250.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 0 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 551.250.000 đồng.

- Năm 2026 tổng kinh phí triển khai là 551.250.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 0 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 551.250.000 đồng.

**5. Các hồ sơ gửi kèm** (đơn vị chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ kế hoạch liên kết):

* Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị;
* Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì kế hoạch liên kết;
* Các hợp đồng liên kết (bản sao);
* Bản cam kết Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường;
* Các phụ lục chi tiết, báo giá các hạng mục hỗ trợ kèm theo (bản sao).

**IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**1. Hiệu quả của Kế hoạch liên kết**

**1.1. Hiệu quả về mặt kinh tế**

Gia tăng hiệu quả sản xuất dừa, do có đơn vị cam kết thu mua toàn bộ dừa tươi của những hộ tham gia mô hình liên kết với giá thoả thuận theo cơ chế thị trường. Sản xuất theo quy trình giúp chi phí sản xuất của hộ liên kết giảm khoảng 10% - 15% so với quy trình sản xuất hiện tại của nông dân. Do khi thực hiện liên kết hợp tác xã sẽ đại diện mua nguyên vật liệu, vật tư nông nghiệp với số lượng lớn và bán cho thành viên Hợp tác xã với giá thấp hơn và đảm bảo giá bán không quá cao. Hợp tác xã sẽ thực hiện ký kết các hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phảm với các đơn vị tiêu thụ. Hạn chế được tình trạng ép giá của thương lái, hoặc các tình trạng đến mùa không có thương lái mua.

**Bảng chi phí và lợi nhuận trồng dừa được đầu tư 1 năm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Diễn giải** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá**  **(VNĐ)** | **Thành tiền (VNĐ)** |
| **I** | **TỔNG CHI PHÍ (20,6ha)** | | | | **525.300.000** |
| ***1*** | ***Chi phí vật tư nông nghiệp (tính trên 1ha)*** | | | | **25.500.000** |
|  | Phân Urê | Kg | 250 | 20.000 | 5.000.000 |
|  | Phân Lân | Kg | 250 | 12.000 | 3.000.000 |
|  | Phân Kali clorua | Kg | 200 | 20.000 | 4.000.000 |
|  | Vôi bột | Kg | 1000 | 6.000 | 6.000.000 |
|  | Phân hữu cơ | kg | 500 | 15.000 | 7.500.000 |
| **II** | **TỔNG DOANH THU** | | | | **4.915.000.000** |
| 1 | Doanh thu dừa tươi | Trái | 455.000 | 13.000 | 4.915.000.000 |
| **III** | **LỢI NHUẬN SAU MỘT NĂM TRỒNG (II- I)** | | | | **4.389.700.000** |

Ngoài ra khi thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác xã có cơ hộ mở rộng quy mô canh tác từ 20,6 ha lên 30 ha và liên kết thêm thành viên vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Hơn thế nữa, việc thực hiện liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm dừa tươi của Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa cũng góp phần tạo thêm việc làm cho lao đồng nông thôn như tạo việc làm và thống nhất hình thức canh tác cho 40 thành viên thực hiện liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm và dự kiến sử dụng 20 – 30 lao động địa phương để thực hiện hỗ trợ sản xuất và chăm sóc dừa trong liên kết.

Hợp tác xã, hộ nông dân liên kết được tập huấn đào tạo, nâng cao trình độ, cải thiện tay nghề, từ đó có thể vận dụng trong việc chăm sóc dừa tạo nên nguồn thu nhập ổn định, giảm thiểu tối đa thiệt hại đến sản lượng bưởi da xanh hằng năm. Việc ứng dụng tiêu chuẩn tiên tiến, liên kết với đơn vị thu mua tạo nên nguồn thu nhập ổn định. Ngoài ra, người nông dân được nâng cao kiến thức, có khả năng truyền đạt cho các thế hệ tương lai. Được cung cấp nguồn vật tư đầu vào với chất lượng ổn định, giá cả hợp lý phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Vật tư đầu vào được cung cấp và thanh toán sau khi thu hoạch và không tính lãi, giúp nông dân tiết kiệm chi phí sản xuất đồng thời đảm bảo đầu vào cho hoạt động sản xuất của nông dân tham gia liên kết. Góp phần tăng quy mô sản xuất hàng hóa, hình thành vùng nguyên liệu với chất lượng ổn định. Áp dụng các quy trình sản xuất hiện đại và nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất theo hợp đồng nhằm tránh tình trạng cung vượt cầu. Có cơ hội tham gia Kế hoạch sản xuất chất lượng cao (EU, Mỹ...) nâng cao lợi nhuận.

* 1. **Hiệu quả về mặt môi trường**

Áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp giúp hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV, giảm thiểu lượng phân bón thất thoát ra môi trường nên đảm bảo được tính bền vững, giảm tác động đến môi trường sinh thái, tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người sử dụng.

Các nông hộ được tập huấn kiến thức quy trình trồng cũng như ý thức về bảo vệ môi trường từ đó môi trường được bảo vệ tốt hơn.

Vỏ chai lọ các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón được thu gom để vào nơi quy định để xử lý không gây ảnh hưởng đến nguồn nước và khu vực sản xuất lân cận.

Tận dụng được tối đa nguồn đất, nước trong quy trình liên kết sản phẩm, đảm bảo không có sản phẩm dư thừa nhờ vào việc ký kết hợp đồng, áp dụng quy trình chăm sóc theo phương hướng đào tạo tiên tiến, không gây tác động đến hệ thống sinh thái, môi trường, an sinh xã hội của cư dân sinh sống trên địa bàn.

**1.3. Hiệu quả về mặt xã hội**

Nâng cao kiến thức và thực hành về sản xuất theo chuỗi cho các bên tham gia liên kết, tăng tính cộng đồng, sự đồng đều: rút ngắn sự chênh lệch giữa các hộ nông dân (đầu tư, áp dụng các biện pháp kỹ thuật) tạo nên sự đồng đều trên toàn bộ cánh đồng về năng suất, chất lượng sản phẩm.

Góp phần hình thành thế hệ nông dân thời đại mới: biết gắn kết sản xuất với thị trường, doanh nghiệp; tạo ra sản phẩm hướng tới lợi ích của cộng đồng, người tiêu dùng, bảo vệ môi trường cho thế hệ sau. Tiếp cận công nghệ kỹ thuật mới, thu hút nhân lực trẻ, trình độ cao về địa phương công tác. Giúp địa phương có mô hình hoàn chỉnh để học tập và ứng dụng.

**1.4.** **Chỉ số tạo việc làm**

Chỉ số giải quyết việc làm cho người lao động trong các hộ thuộc kế hoạch trên địa bàn xã Tường Đa là 9.600 ngày công lao động/40 thành viên hợp tác xã/kế hoạch (năm 2024 – 2026) với chi phí ngày công lao động là 150.000 đồng/1 ngày công góp phần tạo việc làm cho các thành viên trong hợp tác xã canh tác dừa thuộc kế hoạch.

**a) Dự kiến công lao động cho việc canh tác dừa của các thành viên/1 năm, cụ thể như sau:**

+ Công lao động: 9.600 công lao động/năm/40 thành viên hợp tác xã

+ Công lao động: 240 công lao động/năm/01 thành viên hợp tác xã

**b) Bình quân thu nhập mỗi vụ sản xuất từ công lao động mỗi người là:**

+ Thu nhập từ công lao động canh tác dừa: 9.600 ngày x 150.000 đồng = 1.440.000.000 đồng/năm/40 thành viên Hợp tác xã

+ Thu nhập từ công lao động canh tác bưởi da xanh: 240 ngày x 150.000 đồng = 36.000.000 đồng/người/năm.

**2. Tác động của kế hoạch liên kết**

**2.1. Tác động của kế hoạch**

Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ dừa của hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa khi triển khai mang lại nhiều tác động tích cực cho các bên tham gia liên kết, trong đó, việc tổ chức sản xuất cùng với các hộ dân, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân giúp nông dân an tâm sản xuất vì đã có đầu ra ổn định, mặt khác các doanh nghiệp cũng yên tâm trong hoạt động thu mua vì đã có nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Sản xuất ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hợp đồng giúp tránh tình trạng thừa nguồn cung sản phẩm và sản xuất hàng hóa không phù hợp với nhu cầu thị trường. Việc sản xuất theo hình thức liên kết chuỗi, áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến làm giảm thiểu mọi rủi ro tác động đến môi trường, đời sống, an sinh xã hội.

Kế hoạch liên kết tạo mối liên kết giữa người cung cấp nguyên liệu, đến doanh nghiệp sản xuất và đơn vị thu mua, tạo niềm tin vững vàng, mối liên kết giữa ba nhà theo mục tiêu của các văn bản khuyến nông, kích thích phát triển nông nghiệp.

**2.2. Đánh giá các rủi ro và các biện pháp giảm thiểu**

***Các rủi ro:***

Hạn chế về thị trường cạnh tranh về giá cả; thị trường biến động do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh) dẫn đến mất mùa hoặc không đạt sản lượng như yêu cầu.

Tình trạng phá vỡ hợp đồng liên kết của các tác nhân tham gia Kế hoạch liên kết.

Chậm tiến độ trong triển khai các nội dung liên kết.

Nguyên nhân khách quan do nền kinh tế biến động, dẫn đến gia tăng giá thành các dịch vụ hậu cần như: thu hoạch, vận chuyển, khan hiếm VTNN.

***Giải pháp:***

Tập huấn kiến thức, cập nhật thường xuyên nhu cầu của thị trường về giá cả, số lượng và chất lượng từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương án sản xuất, kinh doanh.

Hướng dẫn, tư vấn, chia sẽ thông tin, kịp thời kết nối và phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân tham gia liên kết chuỗi giá trị với sự hỗ trợ của nhà nước và đơn vị tư vấn.

Cần có ràng buộc trách nhiệm giữa các tác nhân tham gia Kế hoạch liên kết chuỗi (cam kết hợp đồng, xử phạt hành chính theo cam kết, phân chia rủi ro, tỷ lệ đặt cọc...).

**VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Kế hoạch triển khai**

Sau khi kế hoạch được phê duyệt, hợp tác xã lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện theo các nội dung cụ thể theo từng năm như sau:

Họp các hộ dân tham gia liên kết để phổ biến chế độ chính sách hỗ trợ, quy trình kỹ thuật, diện tích sản xuất bưởi da xanh, nguồn vốn nhà nước hỗ trợ, vốn đối ứng của các hộ dân tham gia; biện pháp thu mua dừa tươi uống nước theo hợp đồng đã ký kết để các hộ chủ động trong việc thực hiện.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đưa kế hoạch liên kết vào hoạt động đạt hiệu quả tốt nhất.

* 1. **- Kế hoạch tài chính**

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch là1.744.870.000 đồng, trong đó: Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 274.660.000 đồng, Vốn đối ứng của hợp tác xã và nông dân liên kết: 1.470.210.000 đồng, cụ thể:

- Năm 2024 tổng kinh phí triển khai là 642.370.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 274.660.000 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 367.710.000 đồng.

- Năm 2025 tổng kinh phí triển khai là 551.250.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 0 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 551.250.000 đồng.

- Năm 2026 tổng kinh phí triển khai là 551.250.000 đồng. Trong đó vốn NSNN hỗ trợ là 0 đồng, vốn đối ứng của HTX và nông dân tham gia liên kết là 551.250.000 đồng.

**1.2-Kế hoạch cung cấp dịch vụ đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hộ tham gia liên kết**

***\*Năm 2024***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Phụ trách** | **Thời gian** |
| 1 | Triển khai các hoạt động khảo sát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch liên kết. | Đơn vị tư vấn | Quý II |
| 2 | Xây dựng các phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch phát triển sản phẩm, phát triển thị trường. | Đơn vị tư vấn | Quý II |
| 3 | Tiến hành thương thảo nội dung thực hiện với các bên liên quan, xây dựng các hợp đồng liên kết. | Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa và đơn vị tư vấn | Quý II |
| 4 | Tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất sản phẩm an toàn liên kết theo chuỗi cho các hộ tham gia liên kết. | Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa và đơn vị tập huấn kỹ thuật | Quý II |
| 5 | Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác cho sản phẩm | Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa | Quý II |
| 6 | Hỗ trợ phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm | Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa và Đơn vị tư vấn | Quý II |
| 7 | Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu các hạng mục hỗ trợ của kế hoạch liên kết đã thực hiện trong năm. | Nhà nước | Quý III - Quý IV |

***\*Năm 2025:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Phụ trách** | **Thời gian** |
| 1 | Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu các hạng mục hỗ trợ của kế hoạch liên kết đã thực hiện trong năm. | Nhà nước | Quý IV |

***\*Năm 2026:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thực hiện** | **Phụ trách** | **Thời gian** |
| 1 | Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới (đánh giá giám sát) | Đơn vị tư vấn | Quý II |
| 1 | Hoàn tất chương trình kế hoạch liên kết và tiếp tục phát triển kế hoạch liên kết cho giai đoạn tiếp theo. | Nhà nước | Quý IV |

## **2. Tổ chức thực hiện**

### **2.1. Hợp tác xã nông nghiệp Tường Đa**

Là chủ trì liên kết, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện liên kết; chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện các nội dung, hạng mục đảm bảo đạt các mục tiêu kế hoạch được duyệt;

Quản lý sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ đúng quy định; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý liên kết để được hướng dẫn thực hiện các hồ sơ, thủ tục, thanh toán nguồn vốn nhà nước hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành;

Phối hợp tổ chức tập huấn để nâng cao năng lực, kiến thức, nắm bắt các quy trình kỹ thuật, chế độ, chính sách thực hiện liên kết sản xuất cho các hộ dân tham gia liên kết;

Tổ chức sản xuất, thu hoạch và thu mua số lượng sản phẩm cho các hộ theo đúng hợp đồng đã ký kết;

Hợp đồng với các Công ty, doanh nghiệp, nhà máy để cung ứng các loại phân bón đảm bảo đủ số lượng, chủng loại, chất lượng, giá cả trong phạm vi kế hoạch được duyệt; cấp đủ số lượng, phân bón cho các hộ dân theo diện tích đã đăng ký tham gia thực hiện liên kết; tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, theo từng nội dung, số lượng thực hiện, đảm bảo đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán theo đúng quy định hiện hành;

Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch liên kết, đồng thời phát triển và nhân rộng mô hình liên kết trên địa bàn; hàng năm tiến hành khảo sát, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các đối tác mới, chủ động phát triển số hộ tham gia liên kết trong khả năng quản lý của Hợp tác xã;

Chủ động đề nghị thẩm định giá vật tư, phân bón trong phạm vi liên kết được duyệt, gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước để thông báo giá làm căn cứ thanh toán mức hỗ trợ và quyết toán nguồn vốn nhà nước hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

### **2.2. Các thành viên tham gia liên kết**

Tiến hành kí cam kết thực hiện Kế hoạch.

Chuẩn bị nguồn lực, các điều kiện cơ sở vật chất để tham gia thực hiện Kế hoạch.

Tham gia các lớp tập huấn để nắm bắt được kiến thức, quy trình kỹ thuật để triển khai thực hiện trong thực tế sản xuất.

Thực hiện theo hướng dẫn của Hợp tác xã và ghi chép hồ sơ để thực hiện áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt.

Trong quá trình sản xuất, các hộ liên kết tự giám sát lẫn nhau để nâng cao hiệu quả thực hiện áp cũng như giữ được tính bền vũng của chuỗi liên kết.

Đối ứng nguồn vốn theo từng hạng mục được hỗ trợ.

Ký các hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán đối với các nội dung được hỗ trợ.

Phối hợp với các cơ quan quản lý trong kiểm tra tiến độ, nghiệm thu kết quả thực hiện Kế hoạch.

**VII. KIẾN NGHỊ**

Trong điều kiện Hợp tác xã và các hộ nông dân còn gặp nhiều khó khăn, kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phê duyệt chủ trương kế hoạch liên kết./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TRÌ LIÊN KẾT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC**

**Danh sách thành viên Hợp tác xã Nông nghiệp Tường Đa tham gia kế hoạch Liên kết**

**sản xuất tiêu thụ Dừa**

| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **ĐỊA CHỈ** | **SẢN PHẨM** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phan Hồng Phước | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 1 |
| 2 | Nguyễn Hoàng Nguyên | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 3 | Tạ Văn Đồi | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 4 | Tạ Văn Diện | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 5 | Nguyễn Tấn Trung | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 1 |
| 6 | Nguyễn Văn Sự | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 7 | Nguyễn Minh Hiền | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,8 |
| 8 | Huỳnh Thị Đẹp | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 9 | Nguyễn Thị Hằng | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 10 | Ngô Văn Y | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,4 |
| 11 | Trần Chí Thành | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 12 | Trần Thị Hạnh | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,8 |
| 13 | Ngụy A | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 14 | Đoàn Văn Tiếp | Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa | Dừa | 0,7 |
| 15 | Phạm Ngọc Thành | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 16 | Phạm Văn Vĩnh | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 17 | Nguyễn Thị Đỡ | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 18 | Phạm Thị Bích Thủy | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 19 | Lê Duy Linh | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 20 | Phạm Văn Tuấn | Ấp Định Thọ, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 21 | Ngô Văn A | Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa | Dừa | 0,8 |
| 22 | Ngô Văn Quyến | Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 23 | Nguyễn Văn Trai | Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 24 | Nguyễn Thị Hiền | Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 25 | Lê Thị Tuyết Hằng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 1 |
| 26 | Lê Đỗ Hùng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 1 |
| 27 | Đỗ Thị Thu Hà | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 1 |
| 28 | Lê Văn Hải | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 29 | Nguyễn Văn Hải | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 30 | Nguyễn Minh Dũng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,7 |
| 31 | Phạm Văn Nặng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 32 | Huỳnh Thanh Liêm | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 33 | Lê Thị Ôi | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,4 |
| 34 | Vương Thanh Sơn | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 35 | Phạm Văn Hân | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 36 | Nguyễn Phú Văn | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 37 | Phan Văn Hùng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,5 |
| 38 | Lê Văn Phúc | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,7 |
| 39 | Trần Xuân Hoàng | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| 40 | Huỳnh Công Lịnh | Ấp Bình An, xã Tường Đa | Dừa | 0,3 |
| **Tổng cộng** | | | | **20,6** |